

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 10 - 14/03/2025

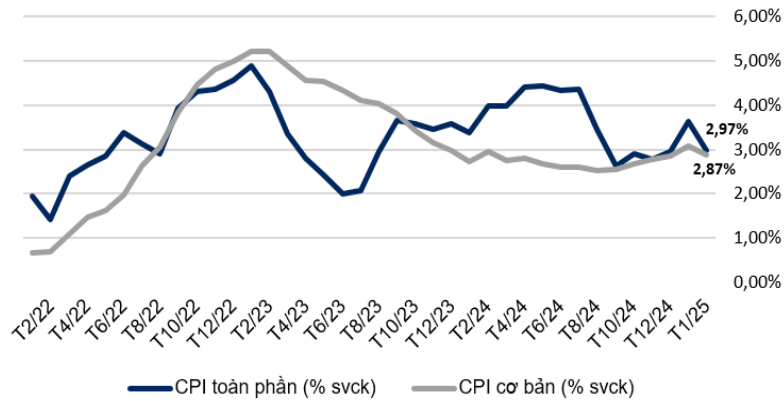


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

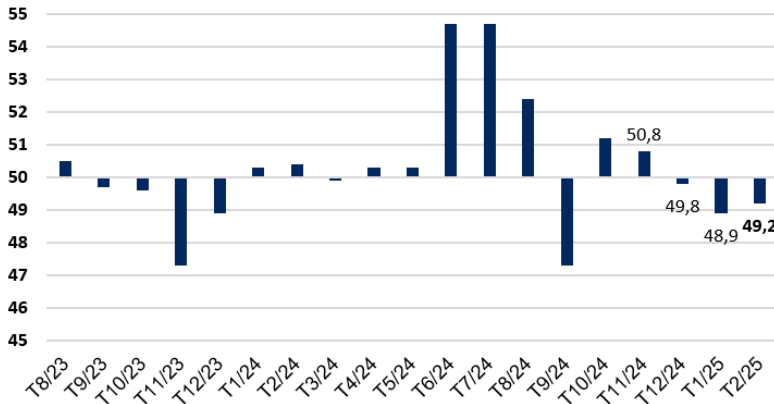


Việt Nam: Nhiều số liệu vĩ mô vẫn duy trì tích cực trong tháng 2.2025

Số liệu lạm phát của Việt Nam



PMI lĩnh vực sản xuất của VN

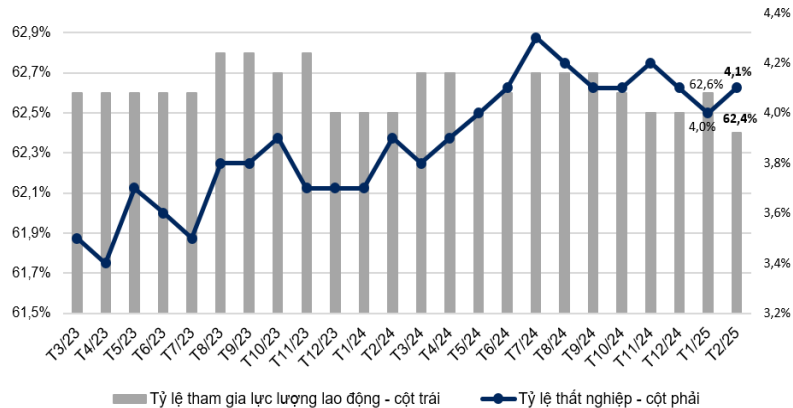


www.vndirect.com.vn

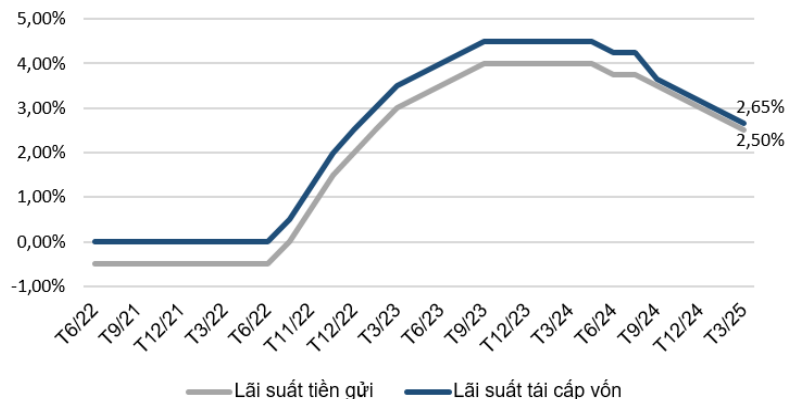
- Trong T2/25, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,4% yoy, Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tăng 36,2% yoy.
 - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần, và CPI lõi T2/25 của Việt Nam tăng lần lượt 2,97% yoy và 2,87% yoy, cùng hạ nhiệt so với mức tăng của T1/25.
 - Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tiếp tục suy giảm nhẹ trong T2/25, khi PMI lĩnh vực sản xuất chỉ tăng nhẹ lên mức 49,2 điểm từ mức 48,9 điểm của T1/25.
- Trong T2/25, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 561,7 nghìn tỷ đồng, giảm 2,5% mom và tăng 9,4% yoy. Lũy kế 2T2025 đạt 1.137,5 nghìn tỷ đồng, tăng 9,4% yoy. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước ước đạt 37,9 nghìn tỷ đồng, tăng 36,2% yoy. Lũy kế 2T2025 đạt 73,2 nghìn tỷ đồng, bằng 8,5% kế hoạch năm và tăng 21,7% yoy. 2 tháng đầu năm tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt gần 6,90 tỷ USD, tăng 35,5% yoy, trong khi vốn đầu tư nước ngoài thực hiện ước đạt 2,95 tỷ USD, tăng 5,4% yoy.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T2/25 của Việt Nam tăng 0,34% mom và tăng 2,97% yoy, hạ nhiệt so với mức tăng 3,63% yoy của T1/25. CPI cơ bản (không gồm giá thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng có giá do nhà nước quản lý) tăng 0,3% mom và tăng 2,87% yoy, cũng hạ nhiệt so với mức tăng 3,07% yoy của T1/25. Trong T2/25 có 9/11 nhóm hàng hóa tăng giá, trong đó nhóm giao thông tăng mạnh nhất với mức tăng 0,63% mom, nhóm vật liệu xây dựng tăng 0,55% mom.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) T2/25 ngành sản xuất VN của S&P Global tăng lên mức 49,2 điểm từ mức 48,9 điểm trong T1/25. Mức điểm tăng tuy nhiên vẫn dưới mốc 50 điểm cho thấy các điều kiện kinh doanh nói chung của ngành sản xuất của VN có sự suy giảm tháng thứ 3 liên tiếp trong T2/25. Cụ thể theo số liệu khảo sát của S&P Global nhu cầu khách hàng yếu khiến số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng tiếp tục giảm. Hệ quả là, các công ty tiếp tục giảm việc làm. Một điểm tích cực là hoạt động mua hàng đã tăng nhẹ.

Thế Giới: Tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ tăng trở lại, ECB giảm 0,25% lãi suất trong cuộc họp T3/25

Số liệu thất nghiệp và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của Mỹ



Các lãi suất cơ bản của ECB



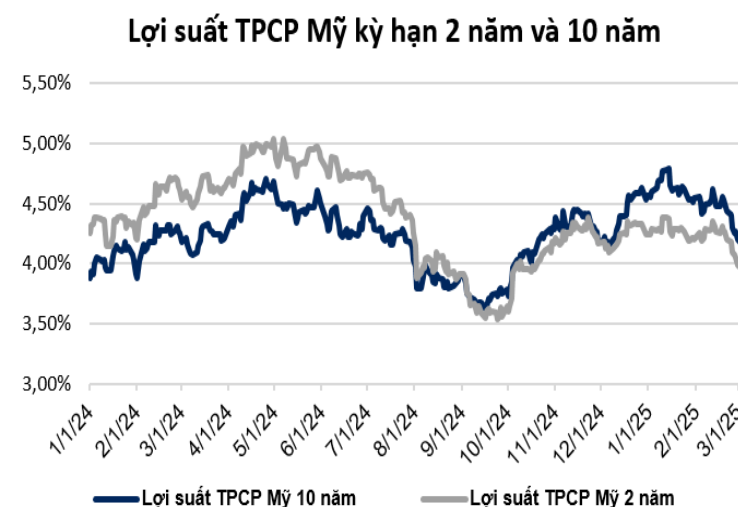
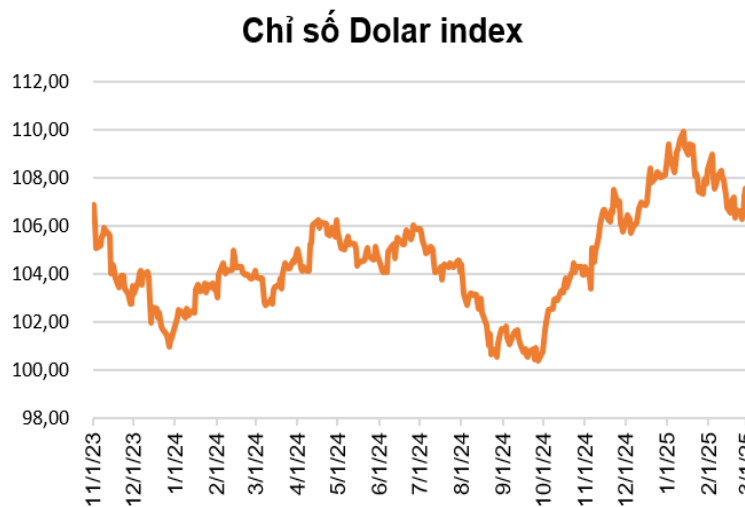
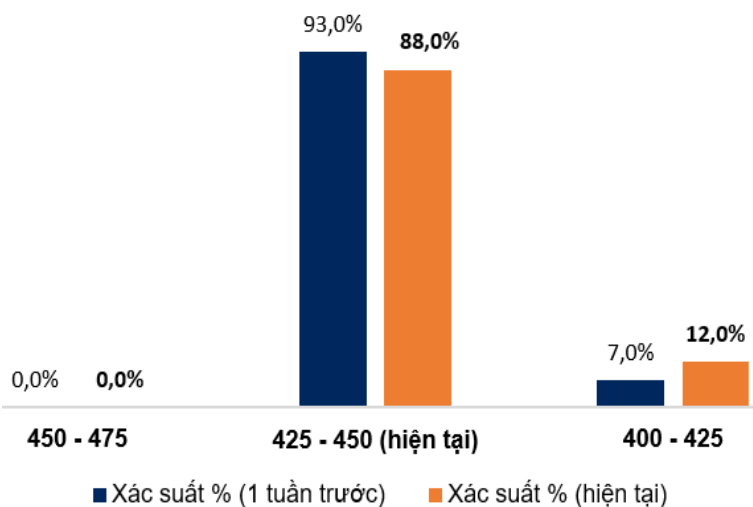
- Trong T2/25 nền kinh tế Mỹ tạo ra 140 nghìn việc làm mới, thấp hơn dự báo, và tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 4,1% từ mức 4%.
- NHTW Châu Âu (ECB) đã quyết định cắt giảm 0,25% lãi suất cơ sở (LSCS) trong cuộc họp T3/25, đây là lần cắt giảm thứ 6 liên tiếp của ECB.
- Theo báo cáo của bộ Lao Động Mỹ, trong T2/25 nước này có 140 nghìn việc làm mới trong lĩnh vực phi nông nghiệp, mức này thấp hơn so với mức dự báo của các chuyên gia là sẽ có 142 nghìn việc làm mới. Đồng thời tỷ lệ thất nghiệp trong T2/25 của Mỹ tăng lên mức 4,1% từ mức 4,0% và cao hơn dự báo 4,0% của các chuyên gia. Trong khi tỷ lệ tham gia lực lượng lao động giảm xuống mức 62,4% từ mức 62,6%. Tiền lương trung bình của người lao động Mỹ trong T2/25 tăng 0,3% mom và 4% yoy, thấp hơn mức dự báo tăng 4,1% yoy của các chuyên gia. Tuần qua, tại diễn đàn Chính sách Tiền tệ Mỹ, chủ tịch Fed, ông Powell cũng có đánh giá khá tích cực về môi trường vĩ mô với thị trường lao động vững chắc và lạm phát đang quay trở lại mục tiêu, tuy nhiên ông cũng nhận định vẫn còn nhiều bất ổn, Fed sẽ chờ đợi sự rõ ràng hơn về chính sách của Nhà Trắng trước khi tiếp tục hạ lãi suất.
- Trong cuộc họp chính sách T3/25, Ngân hàng TW Châu Âu (ECB) đã tiếp tục cắt giảm lãi suất điều hành, đây là lần cắt giảm thứ 6 liên tiếp của ECB. Trong lần cắt giảm này ECB cắt giảm 25 điểm cơ bản đối với cả 3 loại loại lãi suất cơ sở, theo đó LS cho vay tái cấp vốn, LS cho vay cận biên và LS tiền gửi tại ECB lần lượt giảm xuống còn 2,5%; 2,65% và 2,9%. ECB nhận định quá trình giảm lạm phát đang đi đúng hướng, hầu hết các thước đo đều cho thấy lạm phát sẽ ổn định ở ngưỡng mục tiêu trung hạn 2,0% mà ECB theo đuổi. Đối với kinh tế, ECB dự báo GDP khu vực Eurozone sẽ tăng khoảng 0,9% trong năm nay, 1,2% năm 2026 và 1,3% năm 2027.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp T3/2025

88% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành và 12% dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 3.2025.

DXY đóng cửa ở mức 103,62 điểm, giảm 3,66% wow và giảm 4,49% so với đầu năm 2025 (ytd).

Lãi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 4% tăng 1 bps wow và giảm 24 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,3% tăng 10 bps wow và giảm 26,4 bps ytd



Chỉ số Dollar Index (DXI) giảm mạnh trong tuần qua về mức thấp nhất trong 4 tháng qua trước lo ngại về sự không chắc chắn trong chính sách thương mại của tổng thống Trump sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế của Mỹ. Thực tế vào ngày 06/03, chỉ hai ngày sau khi áp dụng, ông Trump đã miễn thuế nhập khẩu 25% đối với hàng nhập khẩu từ Canada và Mexico trong một tháng, bước ngoặt bất ngờ này trong chính sách thương mại của ông Trump đã khiến các nhà đầu tư lo lắng. (cuộc họp tháng 3/2025 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 19/03/25 theo giờ địa phương).

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế	- Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. - Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024	- Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. - Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. - Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. - Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

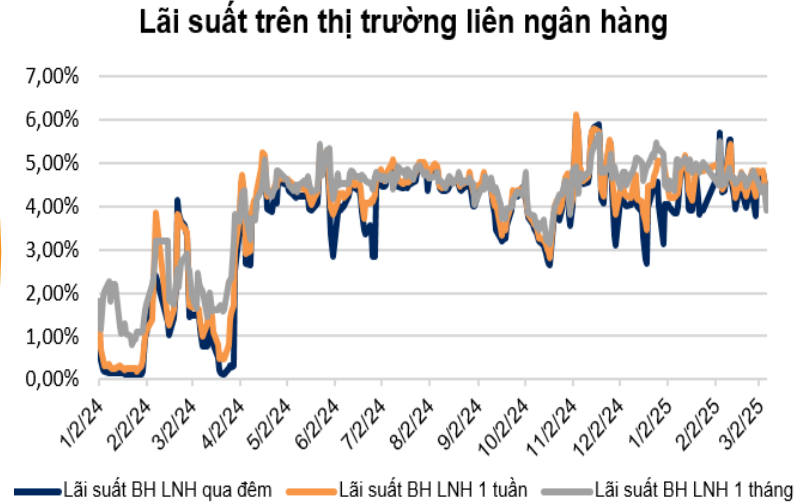
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

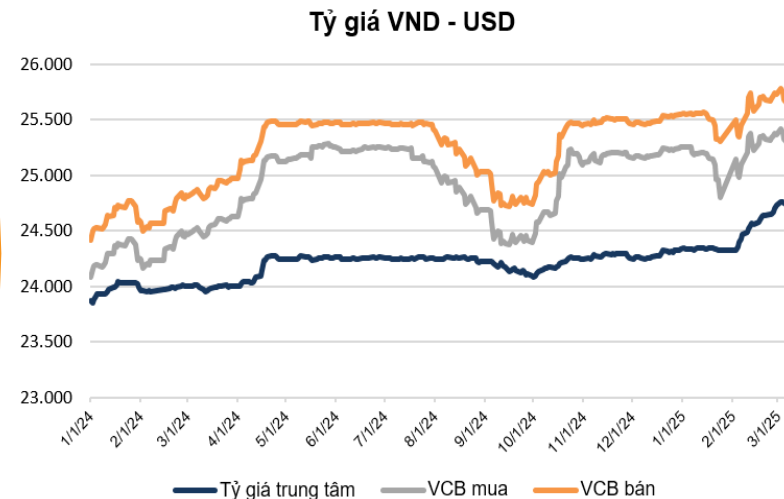


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Tỷ giá USD-VND hạ nhiệt

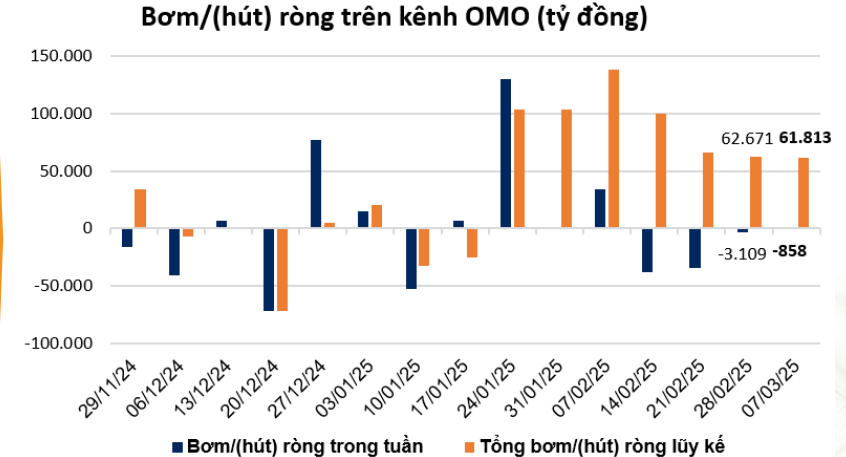
Lãi suất LNH duy trì ở vùng cân bằng 4%. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 3,98% (+ 19 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,02% (- 22 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 3,9% (- 77 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 06/03/2025)



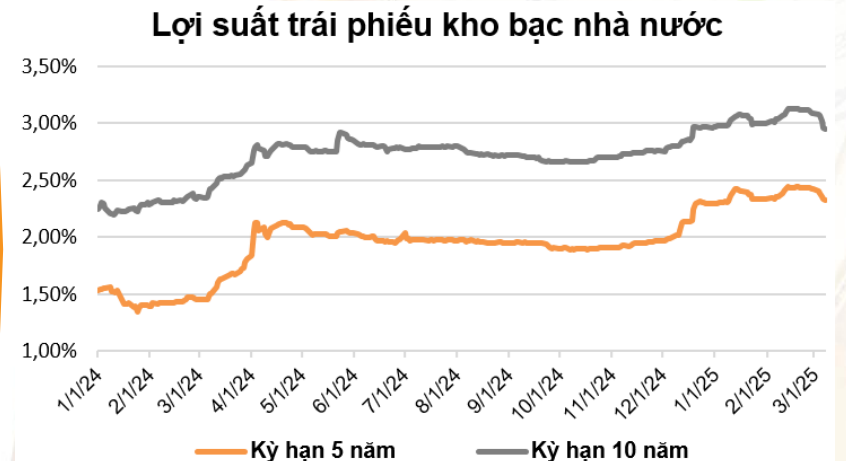
Tỷ giá USD-VND điều chỉnh. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.330 đ và 25.690 đ giảm 0,16% wow và tăng 0,54% tính từ đầu năm 2025 (theo giá bán) (ytd). Tỷ giá trung tâm hiện là 24.730 đ, tăng 0,02% wow và tăng 1,62% ytd



NHNN hút ròng nhẹ trên kênh OMO. Kết tuần NHNN hút ròng 858 tỷ đồng. Hiện tổng giá trị bơm ròng lũy kế là 61.813 tỷ đồng.

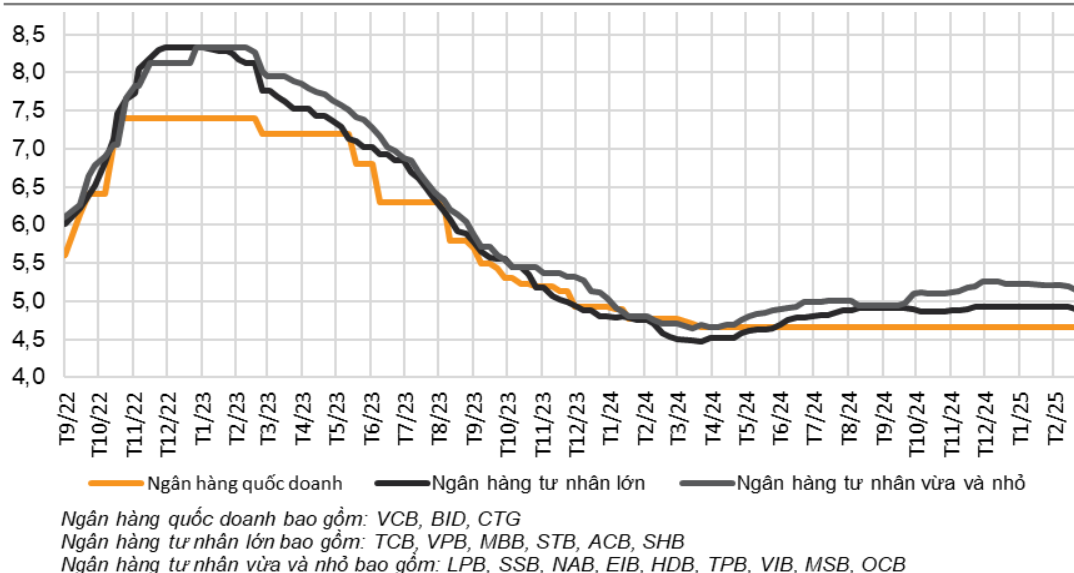


Lợi suất TP KBNN tiếp tục giảm, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,95%, giảm 14 bps wow và giảm 2 bps kể từ đầu năm 2025 (ytd), lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 2,32% giảm 10 bps wow và tăng 3 bps ytd.

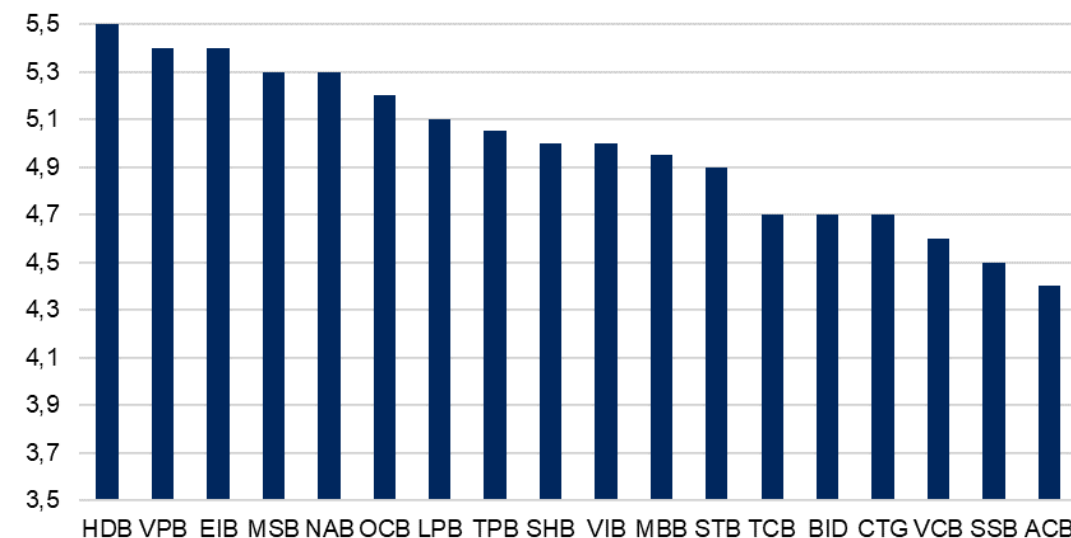


Một số NTHM giảm lãi suất huy động tại nhiều kỳ hạn

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

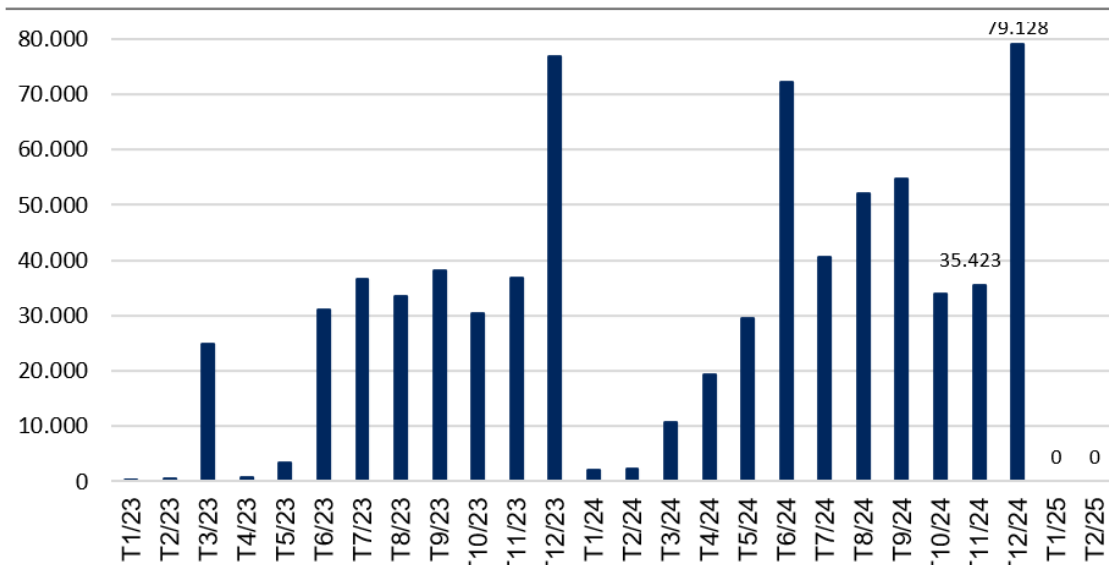


- Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH quốc doanh giữ nguyên tại 4,67%/năm. Tuy nhiên, bình quân lãi suất kỳ hạn 12 tháng của các NH tư nhân lớn đã giảm 0,03 điểm % xuống 4,9% và nhóm NH tư nhân nhỏ giảm 0,04 điểm % xuống 5,15%.
- Trong tuần từ 27/02 – 06/03/2025, SHB, TPB giảm 0,2 điểm % lãi suất kỳ hạn 12 tháng; trong khi LPB, VIB đã giảm 0,01 điểm % lãi suất kỳ hạn 12 tháng. Tại các kỳ hạn lãi suất ngắn hơn như kỳ hạn 3 tháng cũng chứng kiến lãi suất giảm tại các ngân hàng như NAB (-0,02 điểm %), LPB, VIB và OCB giảm 0,01 điểm %.

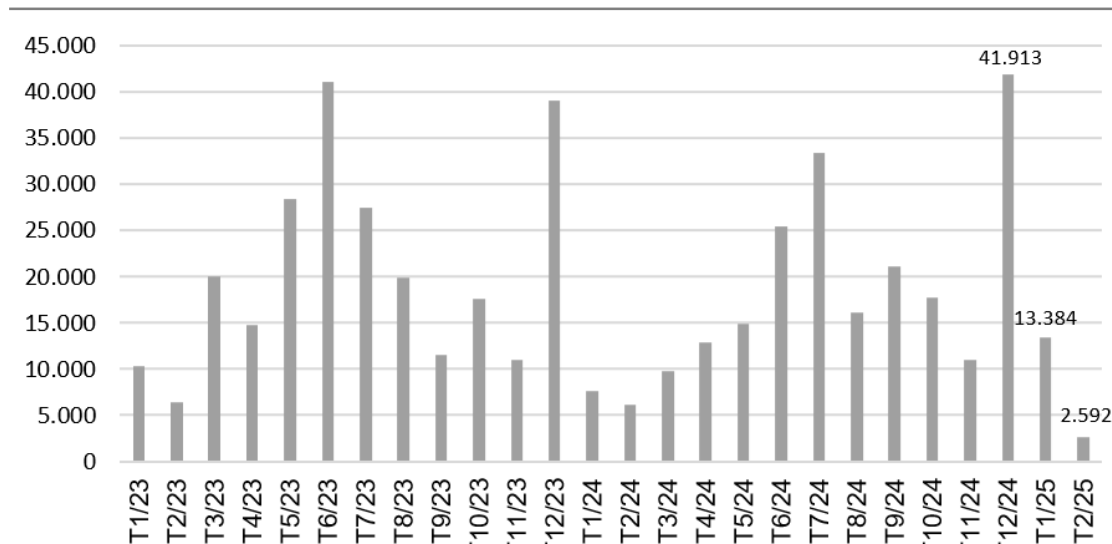
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) trầm lắng trong 2 tháng đầu năm 2025

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 01/03/25



Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 01/03/25

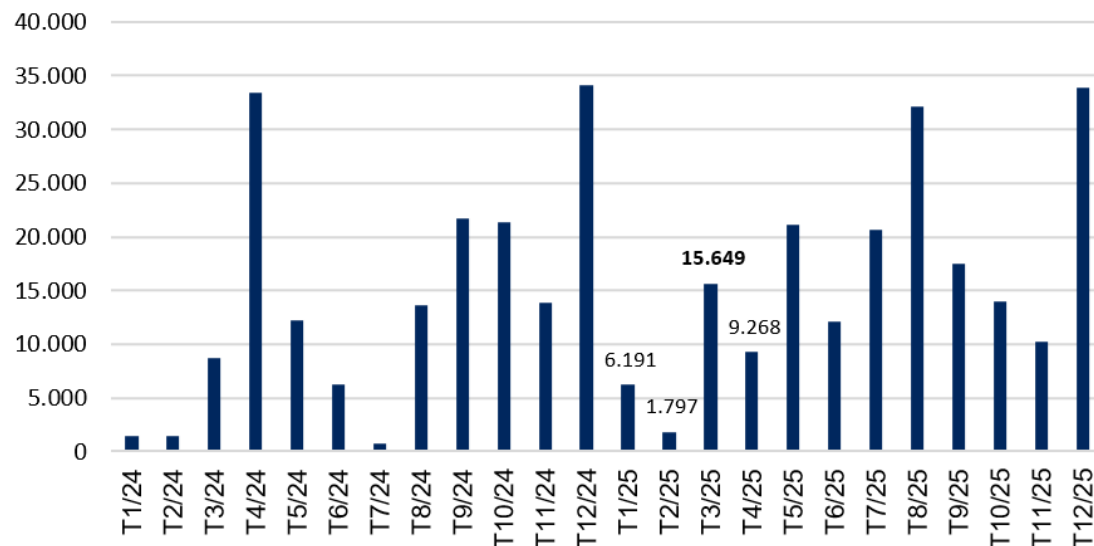


- Theo số liệu được công bố đến ngày 01/03/25, không có đợt phát hành TPDNRL nào trong 2 tháng đầu năm 2025, trong khi thời điểm cùng kỳ năm 2024 có 7 đợt phát hành TPDNRL với tổng giá trị phát hành là 4.315 tỷ đồng. Do đặc thù nhu cầu sử dụng vốn của các doanh nghiệp thời điểm đầu năm thường ở mức thấp nên hoạt động phát hành TPDN có xu hướng trầm lắng trong những tháng đầu năm.
- Tổng giá trị TPDNRL được mua trong 2 tháng đầu năm lại đạt gần 16 nghìn tỷ đồng, giảm mạnh so với T12/24, tuy nhiên vẫn cao hơn 16,2% svck. Đáng chú ý, Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova đã mua lại trước hạn hơn 5,1 nghìn tỷ đồng TPDNRL trong T1/25, đây là các TP được Tập đoàn này phát hành năm 2020 và đều đã được gia hạn thêm kỳ hạn thêm 2 năm, có thời gian đáo hạn là từ T6/25-T8/25.

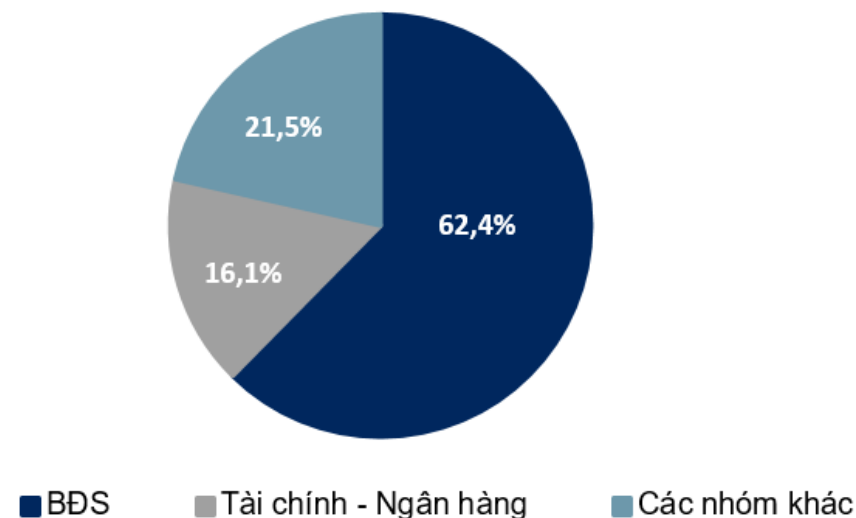
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực TPDN đáo hạn sẽ bắt đầu gia tăng trở lại trong tháng 3

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 01/03/25



Ước tính cơ cấu TPDN đáo hạn theo ngành năm 2025 (thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn đến ngày 01/03/2025)



- Theo số liệu của chúng tôi trong T3/25 sẽ có khoảng hơn 15,6 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, tăng đáng kể so với 2 tháng đầu năm.
- Tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2025 ước khoảng hơn 194 nghìn tỷ đồng (đã loại trừ số TP đã được mua lại trước hạn và số TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 01/03/25). Trong số nhóm BĐS là nhóm có giá trị đáo hạn lớn nhất với tổng giá trị đáo hạn là hơn 121 nghìn tỷ đồng, chiếm 62,4% tổng giá trị đáo hạn năm 2025. Đứng thứ 2 là nhóm Ngân hàng, với tổng giá trị đáo hạn là hơn 31 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,1% tổng giá trị đáo hạn năm 2025.

3.3 Thị trường Bất động sản

Cần lập 'quỹ nhà ở quốc gia' để phát triển nhà giá rẻ

Tổng Bí thư nhắc tới việc lập "Quỹ nhà ở quốc gia" để phát triển nhà giá rẻ tại đô thị lớn, là giải pháp để thúc đẩy đô thị trở thành động lực tăng trưởng quốc gia:

Tổng Bí thư Tô Lâm nhắc đề cập giải pháp để thúc đẩy kinh tế là nhà điều hành cần có chính sách đất đai, bất động sản để giúp thị trường tăng giao dịch, thu hút vốn, thúc đẩy đô thị trở thành động lực tăng trưởng của quốc gia.

Đồng thời đề cập việc thành lập "Quỹ nhà ở quốc gia" nhằm phát triển nhà giá rẻ tại các đô thị lớn. Cùng với đó, nhà điều hành cần tính tới các giải pháp khác như hoàn thiện cơ sở hạ tầng chất lượng cao và đồng bộ cho đô thị, xây dựng hệ thống bản đồ số quốc gia về quy hoạch và giá đất.

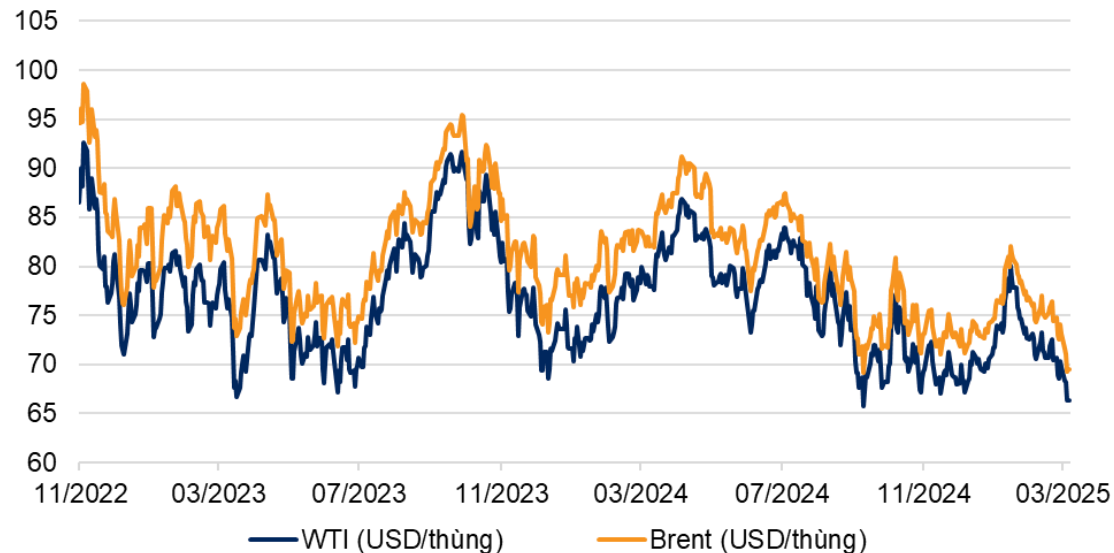
Việt Nam đặt mục tiêu có 1 triệu căn nhà ở xã hội vào 2030. Từ 2021-2024, theo số liệu của Bộ Xây dựng, cả nước có 644 dự án nhà ở xã hội được triển khai với quy mô 580.109 căn. Trong đó, chỉ có 96 dự án được hoàn thành với quy mô hơn 57.620 căn. 133 dự án đã khởi công với trên 110.200 căn. Còn lại 415 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ cung cấp thêm hơn 412.200 căn nếu xây xong.

Năm trước, tại Chỉ thị 34 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới, Ban Bí thư chỉ thị nghiên cứu hình thành quỹ phát triển nhà ở xã hội hoặc mô hình định chế tài chính phù hợp để phát triển nhà ở xã hội dài hạn, bền vững.

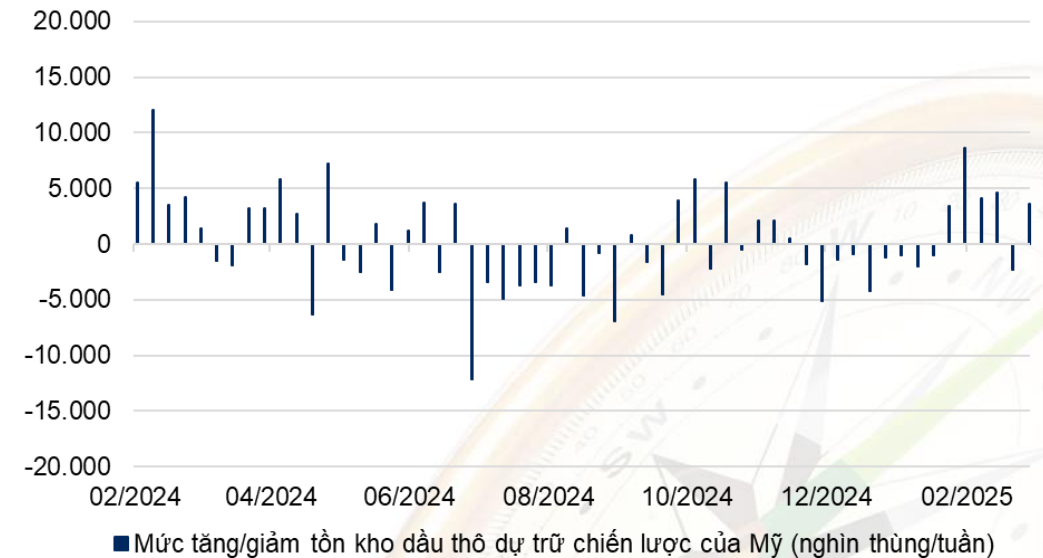
3.3 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô tiếp tục giảm trước lo ngại nhu cầu tiêu thụ yếu

Ngày 07/03, giá dầu thô WTI và Brent lần lượt đạt 67,0 và 70,4 USD/thùng, giảm 3,90% và 3,85% sv tuần trước



Tồn kho dầu thô tại Mỹ tăng ròng trở lại vào tuần cuối tháng 2



- Giá dầu thô đã giảm về mức thấp nhất kể từ tháng 9/2024, tiếp tục chịu ảnh hưởng từ tình hình tiêu thụ dầu toàn cầu yếu và các rủi ro đe dọa sức tiêu thụ trong tương lai, mặc dù giá hai loại dầu phục hồi ~1% vào Thứ Sáu (07/03) do Mỹ đã đe dọa áp thuế với Nga nếu không chấm dứt cuộc chiến với Ukraine. Tại Mỹ - thị trường tiêu thụ dầu lớn thứ hai thế giới – đã ghi nhận đà tăng ròng hàng tồn kho dầu thô trở lại vào tuần kết thúc ngày 28/02. Thị trường hiện đang quan sát việc Mỹ áp dụng mức thuế mới đối với hàng hóa của Trung Quốc và các nước khác, khi điều này làm dấy lên lo ngại về ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu, nền kinh tế yếu đi sẽ đi kèm với việc tiêu thụ năng lượng yếu hơn.
- Về phía cung, sản lượng dầu của OPEC ước tính đã tăng khoảng 320.000 thùng/ngày trong tháng 02, được đóng góp chủ yếu bởi Iraq ở mức tăng 150.000 thùng/ngày, mặc dù OPEC đã nhất trí lùi kế hoạch gia tăng sản lượng đến tháng 4.

Nguồn: Bloomberg, EIA, Vndirect Research

3.4 Thị trường hàng hóa

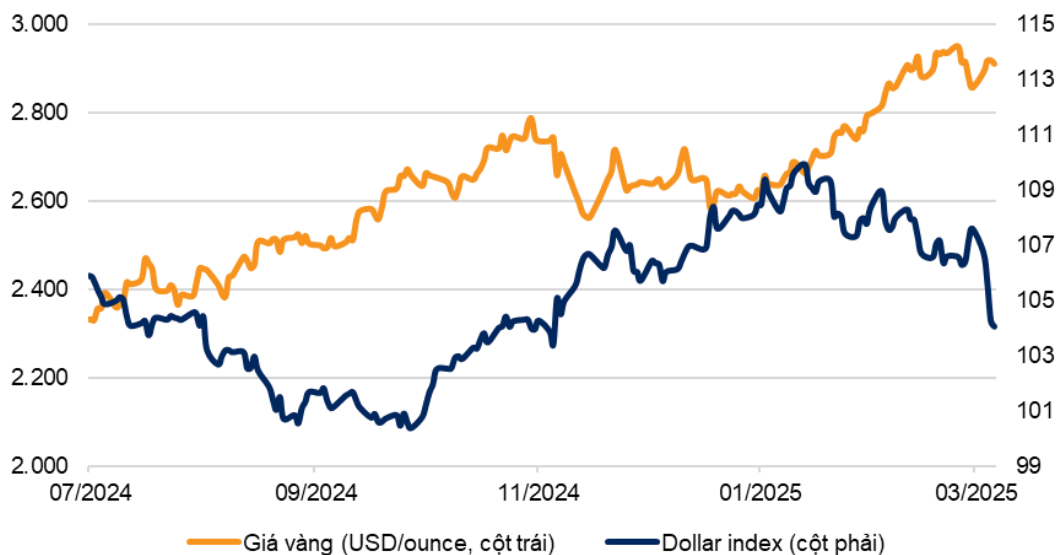
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 07/03/2025):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2025	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	-3,85%	-5,76%	-15,19%	-7,34%	
	Khí LNG	-1,35%	-15,36%	60,31%	-13,84%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	1,18%	-3,73%	-23,80%	-17,13%	
	Quặng sắt	-5,26%	-5,10%	-14,26%	-0,10%	
	Đồng	3,73%	2,05%	19,48%	16,32%	
	Niken	6,66%	4,85%	-8,32%	9,70%	
	PVC	-1,13%	-0,56%	-14,35%	-1,45%	
	Cao su	-3,86%	-6,84%	15,85%	-7,93%	
	Gỗ	1,10%	8,45%	11,56%	18,78%	
Nông nghiệp	Urê	0,63%	4,01%	9,82%	9,08%	
	Lúa Mỹ	-0,61%	-8,41%	2,50%	-2,20%	
	Gạo tám 5%	0,00%	-2,83%	-33,48%	-20,74%	
	Đường	-6,15%	-5,42%	-13,96%	-7,20%	
	Thịt lợn	3,43%	12,48%	39,01%	16,67%	
Kim loại quý	Vàng thời	1,79%	1,68%	34,68%	9,45%	

3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng tăng trở lại do nhu cầu phòng ngừa các rủi ro đối với nền kinh tế

Tính đến ngày 07/03, giá vàng thế giới đạt 2.910 USD/oz, tăng 1,8% sv tuần trước và 1,7% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 90,9-92,9 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua-bán, lần lượt tăng 2,71%/2,65% sv tuần trước



- Giá vàng thế giới tăng trở lại trong tuần qua khi đồng USD giảm mạnh và rủi ro xung đột địa chính trị/ thương mại vẫn hiện hữu. Chỉ số đồng USD đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 10/2024 bởi lo ngại các chính sách thuế quan mới của Mỹ sẽ làm chậm lại đà tăng trưởng kinh tế nước này, qua đó làm tăng sức hấp dẫn của tài sản đầu tư khác như vàng. Mỹ đã hoãn mức thuế 25% đối với một số hàng hóa của Mexico và Canada sang tháng 4, tuy nhiên việc áp thuế Trung Quốc vẫn đang được triển khai và mối quan hệ Mỹ-EU đang có dấu hiệu căng thẳng lên, gây lo ngại về việc các rào cản thương mại được thiết lập làm chậm tăng trưởng kinh tế toàn cầu và thúc đẩy lạm phát, qua đó thúc đẩy nhu cầu mua vàng.
- Trong nước, giá vàng miếng cũng quay đầu tăng theo diễn biến của giá vàng thế giới. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 07/03 ở mức 3,5 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 25.480).

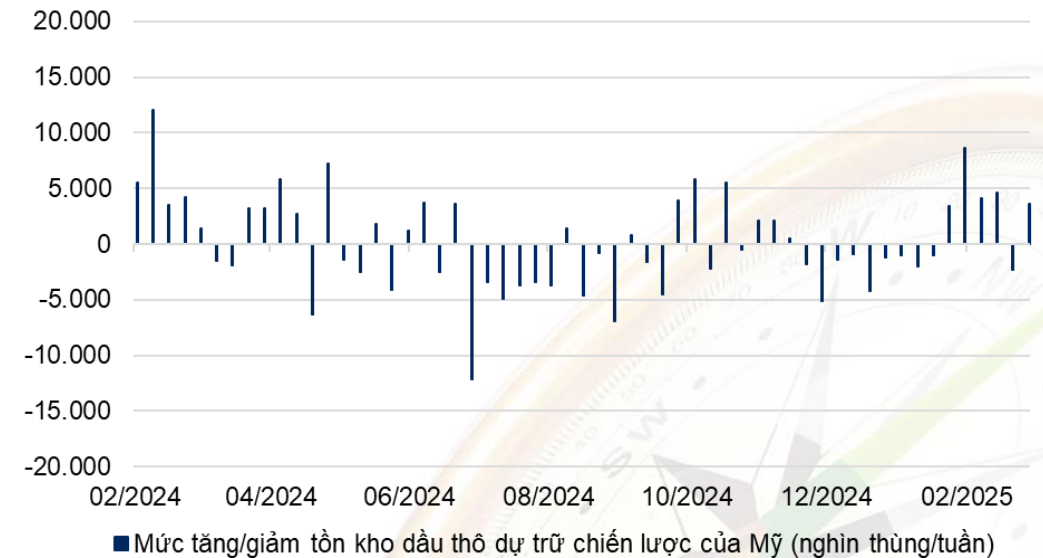
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô tiếp tục giảm trước lo ngại nhu cầu tiêu thụ yếu

Ngày 07/03, giá dầu thô WTI và Brent lần lượt đạt 67,0 và 70,4 USD/thùng, giảm 3,90% và 3,85% sv tuần trước



Tồn kho dầu thô tại Mỹ tăng ròng trở lại vào tuần cuối tháng 2



- Giá dầu thô đã giảm về mức thấp nhất kể từ tháng 9/2024, tiếp tục chịu ảnh hưởng từ tình hình tiêu thụ dầu toàn cầu yếu và các rủi ro đe dọa sức tiêu thụ trong tương lai, mặc dù giá hai loại dầu phục hồi ~1% vào Thứ Sáu (07/03) do Mỹ đã đe dọa áp thuế với Nga nếu không chấm dứt cuộc chiến với Ukraine. Tại Mỹ - thị trường tiêu thụ dầu lớn thứ hai thế giới đã ghi nhận đà tăng ròng hàng tồn kho dầu thô trở lại vào tuần kết thúc ngày 28/02. Thị trường hiện đang quan sát việc Mỹ áp dụng mức thuế mới đối với hàng hóa của Trung Quốc và các nước khác, khi điều này làm dấy lên lo ngại về ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu, nền kinh tế yếu đi kèm với việc tiêu thụ năng lượng yếu hơn.
- Về phía cung, sản lượng dầu của OPEC ước tính đã tăng khoảng 320.000 thùng/ngày trong tháng 02, được đóng góp chủ yếu bởi Iraq ở mức tăng 150.000 thùng/ngày, mặc dù OPEC đã nhất trí lùi kế hoạch gia tăng sản lượng đến tháng 4.

Nguồn: Bloomberg, EIA, Vndirect Research

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2025	1 năm
Dow Jones	Mỹ	-2,37%	-3,39%	0,61%	10,53%
S&P 500	Mỹ	-3,10%	-4,24%	-1,89%	12,62%
Nasdaq	Mỹ	-3,45%	-6,80%	-5,77%	13,12%
Euro Stoxx 50	EU	0,03%	2,62%	11,63%	10,16%
FTSE 100	Anh	-1,47%	-0,24%	6,20%	13,32%
Nikkei 225	Nhật Bản	-0,79%	-4,96%	-7,60%	-7,12%
Shanghai	Trung Quốc	1,56%	2,09%	0,62%	10,72%
Hang Seng	Trung Quốc	5,62%	14,66%	20,79%	48,17%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-2,07%	-3,84%	-1,99%	14,11%
SET	Thái Lan	-0,14%	-6,24%	-14,15%	-13,30%
KOSPI	Hàn Quốc	1,21%	1,65%	6,83%	-4,36%
Malaysia Top 100	Malaysia	-1,75%	-4,60%	-7,91%	1,87%
STI Index	Singapore	0,48%	1,37%	3,35%	24,38%
IDX Composite	Indonesia	5,83%	-1,58%	-6,27%	-10,10%
PHS All Shares	Philippine	3,79%	1,65%	-0,65%	3,37%
VN-Index	Việt Nam	1,59%	3,99%	4,68%	6,31%

Thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận 1 tuần giảm điểm khá mạnh khi các động thái thương mại mới của Tổng thống Donald Trump khiến nhà đầu tư bất an về triển vọng của nền kinh tế Mỹ. Kết tuần cả ba chỉ số chính đều giảm trong đó chỉ số Dow Jones giảm 2,37%, trong khi chỉ số S&P 500 và chỉ số Nasdaq đều giảm hơn 3%.

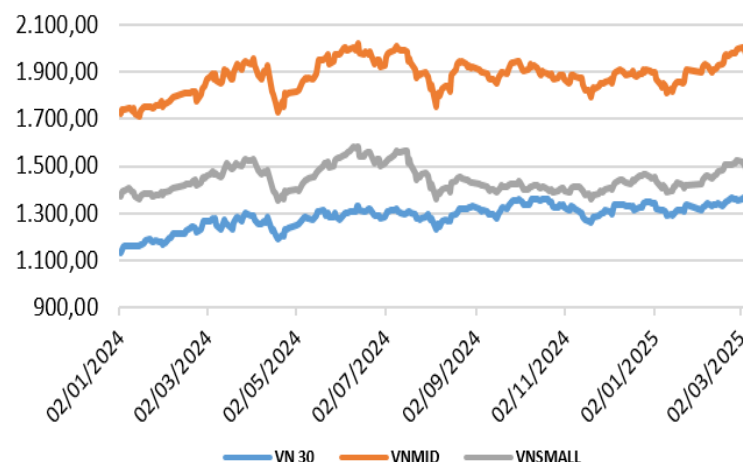
Trong khi nhiều thị trường chứng khoán Châu Á đã có sự phục hồi chỉ sau 1 tuần điều chỉnh trước đó như thị trường Hàn Quốc, Trung Quốc, Indonesia...

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường duy trì đà tăng với thanh khoản tiếp tục gia tăng

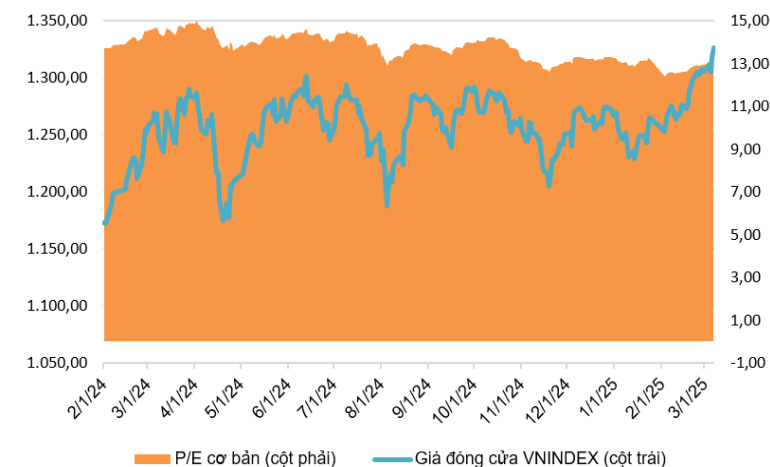
VN-Index duy trì đà tăng, kết tuần tại mức 1.326,05 điểm, tăng 1,59% sv tuần trước.



Các chỉ số VN30/VNMID duy trì tăng với mức tăng lần lượt là 2,46%/0,49%. Trong khi VNSML giảm 0,92%.



P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 13,1x.



- Với 4 phiên tăng điểm và 1 phiên điều chỉnh, VN-Index duy trì tuần tăng điểm thứ 7 liên tiếp. Kết tuần VN-index tăng 20,69 điểm (+1,59%) lên 1.326,05 điểm. Thanh khoản giao dịch tiếp tục gia tăng, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 816,5 triệu cp/phiên, tăng 11% so với tuần trước và cao hơn 35,9% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại duy trì bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 776 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán cũng duy trì bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 385 tỷ đồng.
- Các mã VIC và VHM là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 3,76 điểm và 3,69 điểm. Ở chiều ngược lại LPB và BSR là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 0,54 điểm và 0,41 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm 2025 (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	3,4%	2,7%	1,7%	30,7	3,16	24,8%
Bảo hiểm	0,0%	0,0%	0,0%	16,1	1,64	0,0%
Bất động sản	3,9%	8,9%	8,4%	16,4	1,27	11,0%
Công nghệ TT	0,8%	-2,7%	-6,5%	26,3	5,19	-21,4%
Dầu khí	-2,5%	2,1%	4,1%	26,1	1,33	-1,4%
Dịch vụ tài chính	1,9%	9,5%	8,8%	18,9	1,50	23,2%
Hóa chất	-0,1%	9,1%	7,5%	21,0	2,01	-11,5%
Ngân hàng	2,0%	3,5%	7,4%	10,0	1,57	31,0%
Tài nguyên cơ bản	-1,7%	7,5%	18,9%	22,2	1,57	-31,1%
Thực phẩm&Đồ uống	0,2%	0,8%	-3,5%	18,83	2,92	-4,2%
Viễn thông	2,3%	-5,9%	-6,3%	35,7	6,60	-37,0%
Xây dựng & Vật liệu	-0,7%	4,0%	7,0%	20,3	1,52	-10,8%
VN-Index	1,59%	3,99%	4,68%	13,14	1,71	11,0%

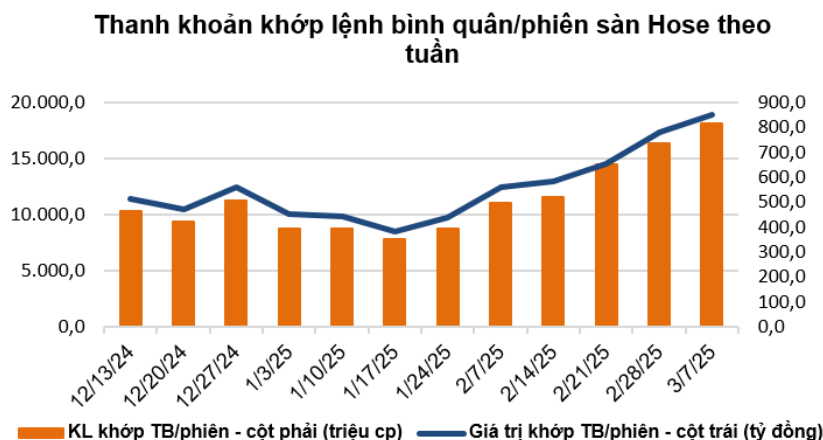
Thị trường duy trì đà tăng với thanh khoản phân hóa ở các nhóm ngành.

Nhóm Ngân hàng duy trì đà tăng cả điểm số và thanh khoản trong đó nhiều mã tăng mạnh như MBB (+6,8%), TCB (+6,5%), MSB (+4,4%)...Nhóm Dịch vụ tài chính cũng bắt tốc với thanh khoản gia tăng, trong đó FTS (+7,7%), VCI (+6,8%), BSI (+3,9%), HCM (+3,7%)...Nhóm Bán lẻ cũng ghi nhận 1 tuần phục hồi mạnh sau 1 nhịp chỉnh dài trước đó với MWG (+6,2%), DGW (+2,4%)...

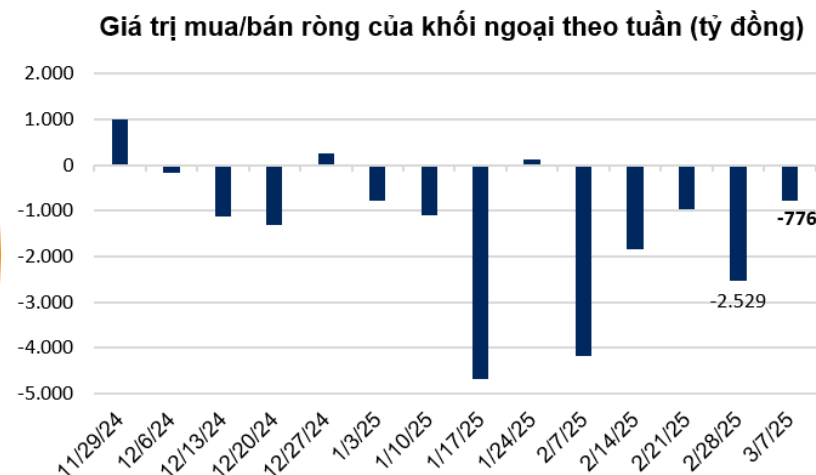
Ở chiều ngược lại nhóm Dầu khí tiếp tục có sự điều chỉnh trong đó PVD (-4,2%), PGD (-2,6%), GAS (-0,3%)...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục gia tăng và khối ngoại duy trì bán ròng

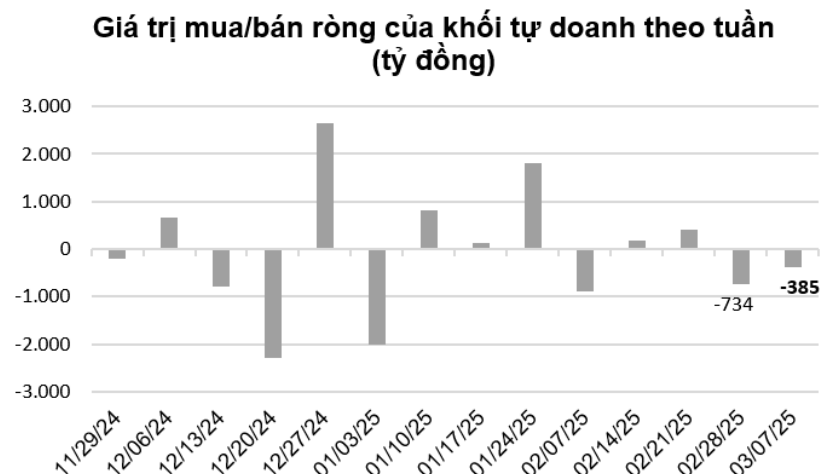
Thanh khoản tiếp tục gia tăng, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 816,5 triệu cp/phần, tăng 11% sv tuần trước và cao hơn 35,9% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



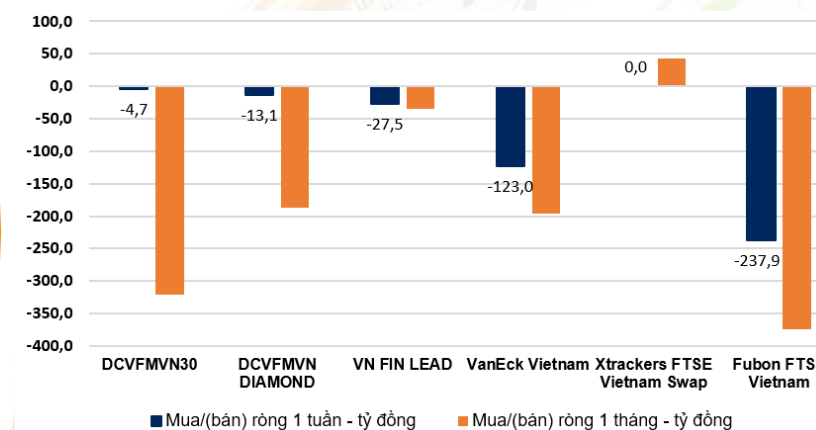
Khối ngoại duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là 776 tỷ đồng.



Khối tự doanh duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua là 385 tỷ đồng

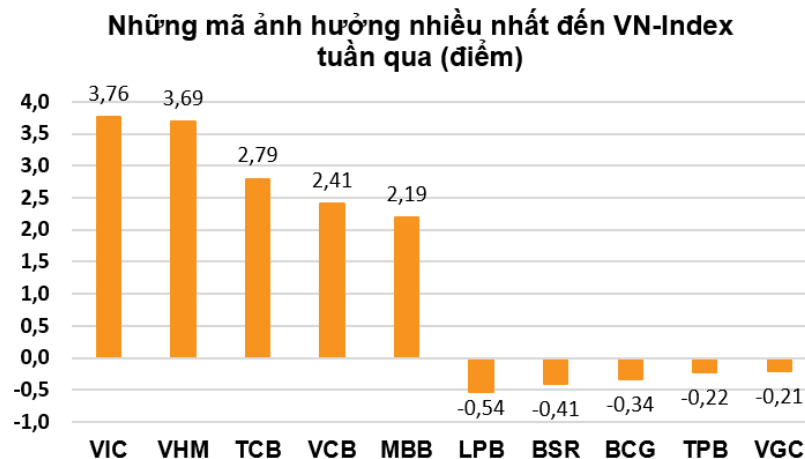


Một số quỹ ETF duy trì bán ròng nhẹ trong tuần qua. Trong đó quỹ Fubon FTSE bán ròng nhiều nhất với giá trị bán ròng là 237,9 tỷ đồng.

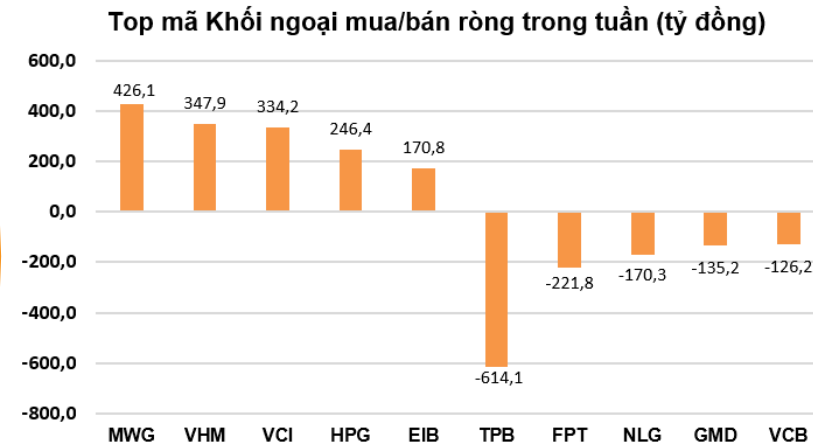


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục gia tăng và khối ngoại duy trì bán ròng

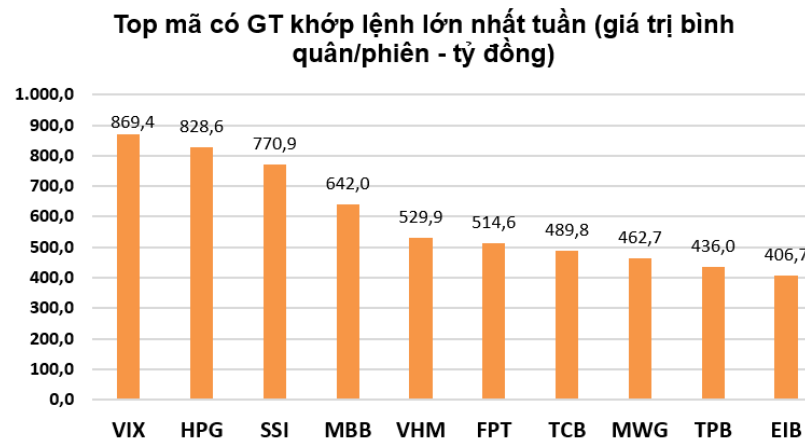
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex – điểm)



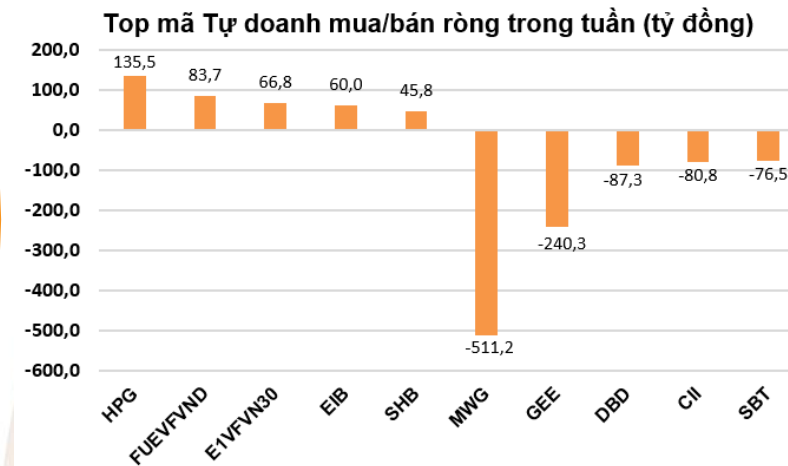
Trong tuần từ 03/03-07/03/2025 MWG là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 426 tỷ đồng. Trong khi TPB là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 614 tỷ đồng.



VIX là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp lệnh trung bình là hơn 869 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã HPG và SSI với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 828 tỷ đồng và hơn 770 tỷ đồng



Trong tuần từ 24/02-28/02/2025 HPG là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 135 tỷ đồng, trong khi MWG là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 511 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	POW	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-1,2%	0,0%	14.900	23,1%
2	PC1	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-1,7%	-0,2%	27.100	14,8%
3	BMP	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	3,8%	-1,5%	140.000	12,9%
4	VCB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	1,9%	8,6%	111.800	17,6%
5	HDB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	1,5%	10,6%	34.900	49,1%
6	MWG	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	6,2%	-4,5%	72.100	16,5%
7	FPT	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,8%	-2,5%	196.600	39,0%
8	ACV	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,9%	-13,6%	133.500	27,7%
9	BCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,9%	4,2%	82.800	10,4%
10	IDC	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,2%	6,0%	62.700	11,0%
11	HAH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-4,5%	2,6%	55.900	10,0%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
12	GMD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	1,3%	2,5%	73.700	19,8%
13	KDH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,1%	-1,8%	41.300	23,1%
14	BMP	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	3,8%	0,0%	150.000	21,0%
15	PVD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-4,2%	5,8%	30.900	30,4%
16	PLX	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,6%	7,8%	46.100	7,6%
17	POW	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,2%	3,9%	14.900	23,1%
18	PC1	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,7%	9,0%	30.700	30,1%
19	DCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,1%	5,1%	42.700	21,0%
20	HPG	08/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	0,2%	11,0%	41.000	46,2%
21	KBC	05/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	2,0%	2,7%	40.000	32,0%
22	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	0,8%	-4,4%	82.600	31,7%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
23	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-0,3%	7,1%	65.100	29,4%
24	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	-1,3%	-6,0%	34.000	80,9%
25	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	9,1%	14,4%	66.400	47,7%
26	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-0,1%	-3,9%	114.400	21,8%
27	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-0,3%	1,3%	23.700	23,1%
28	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-1,1%	-15,5%	95.100	27,7%
29	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-1,6%	-11,8%	35.700	28,9%
30	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	-3,2%	-20,0%	45.800	36,3%
31	STB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	3,9%	14,1%	41.500	4,4%
32	TPB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	-2,1%	-1,2%	21.000	28,4%
33	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	0,4%	-0,7%	19.500	53,5%

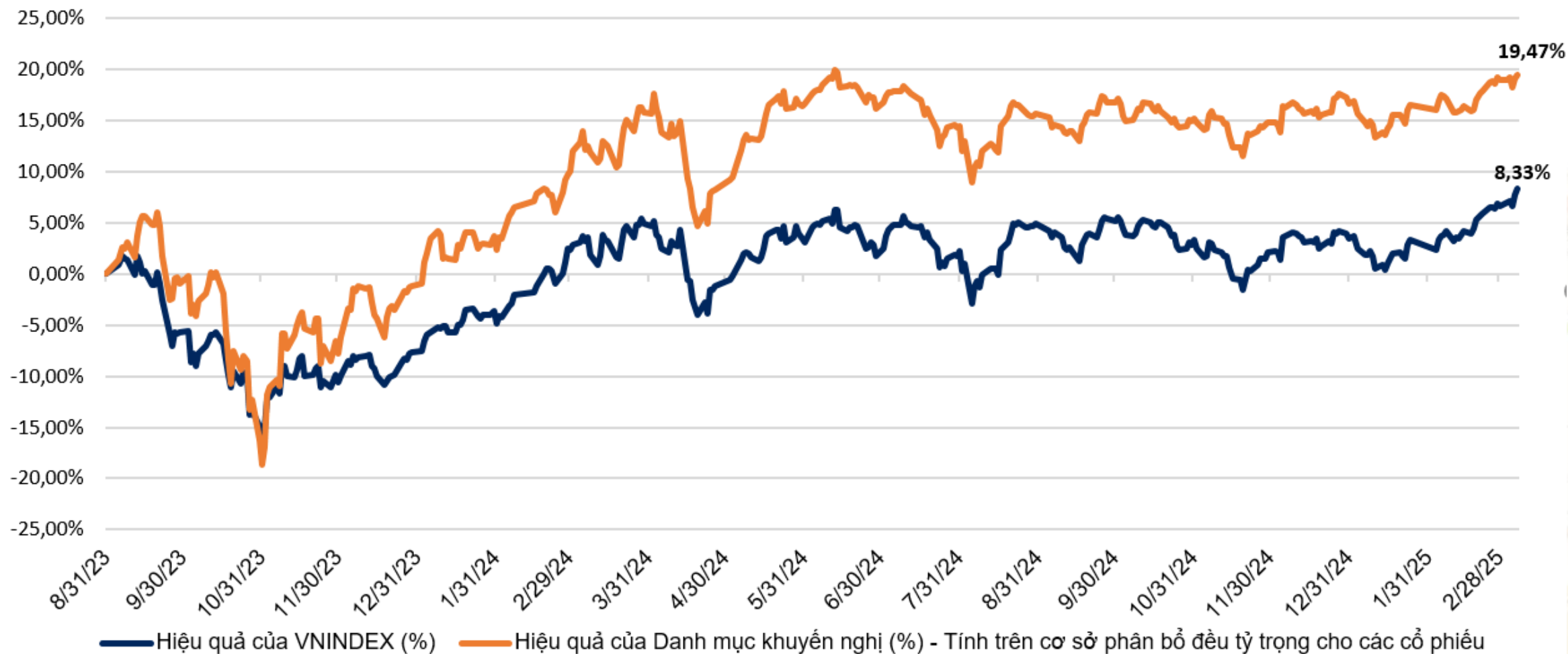
Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
2	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
3	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
4	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
5	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
6	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
7	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
8	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
9	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
10	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
11	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
12	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
13	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
14	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Hoạt động thương mại phục hồi	48.000	14/11/2024
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	26.800	18/12/2024
17	CTD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		78.900	05/02/2025
18	CTG	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24		39.900	07/02/2025
19	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24		61.200	20/02/2025
20	BAF	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		32.000	24/02/2025
21	VIB	05/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024		21.200	05/03/2025
22	MBB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		24.700	07/03/2025

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Tư 12/03/2025	Mỹ	Số liệu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2.2025
Thứ Năm 13/03/2025	Mỹ	Số liệu chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 2.2025
Thứ Sáu 14/03/2025	Mỹ	Chỉ số tâm lý người tiêu dùng của Đại học Michigan (Prelim UoM Consumer Sentiment) tháng 2.2025

THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH

Email: research@vndirect.com.vn

